

Số: 18/KH-UBND

Kim Phượng, ngày 24 tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH

Phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn xã Kim Phượng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 23/01/2024 của UBND huyện Định Hoá về phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn huyện Định Hoá giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030. UBND xã xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn xã Kim Phượng đến 2025, định hướng đến năm 2030 với những nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU CHUNG

Đổi mới căn bản, toàn diện công tác quản lý, điều hành của nhà nước tiến tới xây dựng phát triển kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số, hình thành sức cạnh tranh trên thị trường.

Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số, xã hội số phải đồng bộ với các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chuyển đổi số của xã, đồng thời đảm bảo các mục tiêu tại Chương trình hành động số 04-CTr/HU ngày 05/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Kim Phượng về việc thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Mục tiêu đến năm 2025

1.1. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Phần đầu kinh tế số chiếm trên 20% GRDP.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.
- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%.

1.2. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 94%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%.

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%.

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% đơn vị hành chính cấp xã, trên 80% hộ gia đình.

- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%.

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 90%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%.

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học cơ sở hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

2.1. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kinh tế số chiếm trên 30% GRDP.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%.

- Tỷ lệ lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%.

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%.

2.2. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 98% .

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 95%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%.

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang.

- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%.
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 70%.
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 50%.
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học cơ sở hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 95%.

III. NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP

1. Phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số

1.1. Thể chế

- Hàng năm tổ chức rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung ban hành các văn bản phát triển kinh tế số, xã hội số phù hợp với các chỉ đạo hướng dẫn của tỉnh và điều kiện thực tế của xã; chú trọng xây dựng các chính sách để nâng cao tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% các hoạt động trong cơ quan.
- Ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số, đặc biệt là tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ số trong từng ngành, lĩnh vực.

1.2. Hạ tầng

- Phát triển hạ tầng số (bao gồm hạ tầng viễn thông băng rộng, hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây, hạ tầng công nghệ số, nền tảng số có tính chất hạ tầng) băng rộng, siêu rộng, phổ cập, xanh, an toàn, bền vững, mở, phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của xã.
- Chuyển đổi mạng Internet của xã sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6). Dịch vụ trực tuyến của các cơ quan nhà nước, trang thông tin điện tử, giáo dục, y tế, thương mại điện tử của xã sử dụng tên miền quốc gia (.vn).
- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Các nội dung phát triển hạ tầng IoT phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.

1.3. Phát triển dữ liệu số và nền tảng số

- Triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia; Kế hoạch phát triển dữ liệu và phát triển nhân lực dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm: nông nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, lao động, công nghiệp và

thương mại, xây dựng, văn hóa, thể thao và du lịch. Bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác, sử dụng một cách dễ dàng.

- Triển khai Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh, kết nối liên thông, mở chia sẻ dữ liệu để tập hợp tài nguyên dữ liệu trong ngành, lĩnh vực, địa phương vào một đầu mối xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Áp dụng triển khai sử dụng các nền tảng quốc gia do cơ quan nhà nước chủ quản, doanh nghiệp Việt Nam phát triển, làm chủ công nghệ lõi, sử dụng thống nhất trên toàn quốc, phục vụ hoạt động quản lý nhà nước hoặc cung cấp dịch công phục vụ xã hội.

- Nghiên cứu đưa vào triển khai sử dụng các nền tảng số quốc gia do doanh nghiệp làm chủ quản, làm chủ công nghệ lõi, cung cấp dịch vụ phục vụ nhu cầu của cơ quan, doanh nghiệp và xã hội đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

- Tiếp tục nghiên cứu phát triển, duy trì nền tảng số phục vụ xây dựng xã hội số đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

1.4. An toàn thông tin mạng và an ninh mạng

- Triển khai Chiến lược an toàn an ninh mạng quốc gia.

- Triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng.

- Xây dựng cơ chế hợp tác, đối thoại để giải quyết các vấn đề phát sinh; cơ chế hợp tác giữa các cơ quan và doanh nghiệp trong xây dựng và thực thi chính sách.

- Xây dựng và triển khai hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng và xác định, phát hiện các thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng để kịp thời xử lý, gỡ bỏ.

- Các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và nền tảng số phải phát triển các hệ thống nền tảng và mạng lưới hạ tầng gắn với đảm bảo an toàn, an ninh mạng, có khả năng tự sàng lọc, phát hiện tấn công và bảo vệ một cách chủ động.

- Đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm công nghệ cao trong các hoạt động kinh tế - xã hội.

1.5. Nhân lực số

- Triển khai ứng dụng các nền tảng số kết nối các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để thúc đẩy học từ làm việc thực tế, đào tạo và đào tạo lại kỹ năng số cho người lao động.

- Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và trung học. Chú trọng tập huấn, đào tạo giáo viên và trang bị đủ thiết bị, robotics, phần mềm. Khuyến khích các cơ sở giáo

dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotics để triển khai.

- Triển khai hoàn thiện CSDL về nguồn lao động có thể dự báo được nhu cầu lao động hàng năm về nguồn nhân lực số.

1.6. Kỹ năng số, công dân số, văn hoá số

- Triển khai đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ và kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn xã đến năm 2025.

- Triển khai ứng dụng Nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở đại trà (MOOCs) trên địa bàn xã.

- Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Đào tạo kỹ năng số, học sinh trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông.

- Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp, mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, phương tiện số và được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số. Đẩy mạnh triển khai các chương trình hỗ trợ, phổ cập kết nối số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

- Tổ chức triển khai các chương trình phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, sử dụng tài khoản định danh điện tử VNEID để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, sử dụng các nền tảng y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Đồng thời hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số.

1.7. Doanh nghiệp số

- Thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ trên địa bàn xã thực hiện chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa hoạt động, nâng cao năng lực và lợi thế cạnh tranh tạo ra các giá trị mới cho doanh nghiệp, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, kinh tế số của tỉnh.

- Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa bàn; vận động, hướng dẫn và đôn đốc doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực, địa bàn tích cực tham gia. Định kỳ tổ chức khảo sát đánh giá mức độ chuyển đổi số của các doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực, địa bàn đảm bảo theo quy định. Có chính sách hỗ trợ, các hình thức tôn vinh khen thưởng doanh nghiệp nỗ lực đạt mức độ chuyển đổi số cao để hình thành các doanh nghiệp số.

1.8. Thanh toán số

- Thực hiện có hiệu quả việc thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn xã.
- Triển khai Chương trình thúc đẩy dịch vụ Mobile money, tập trung ưu tiên ở nơi có tỷ lệ phổ cập dịch vụ ngân hàng còn ở mức thấp. Hướng dẫn, triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số quản trị hoạt động của đơn vị.

2. Phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực

Tập trung các nguồn lực triển khai nhằm hoàn thiện các mục tiêu về phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực tại Chương trình hành động số 04-CTr/HU ngày 05/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Kim Phượng về việc thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2.1. Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp, xây dựng hệ sinh thái nông nghiệp thông minh, chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế số nông nghiệp.

- Triển khai các Nền tảng Ứng dụng số Nông nghiệp Thái Nguyên và các nền tảng số khắc phục vụ nhiệm vụ được giao; tập trung xây dựng các CSDL như: Quản lý chất lượng Nông sản; Nông thôn mới; sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu, sản phẩm OCOP; Thủy lợi và phòng chống thiên tai; Lâm nghiệp; Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản; Phát triển nông thôn; Khuyến nông...

- Triển khai các ứng dụng số về thương mại điện tử, thanh toán điện tử, đưa các sản phẩm lên sàn thương mại đi đôi với tổ chức triển khai phổ cập kỹ năng số cho người nông dân theo hướng tuyên truyền, phổ biến qua phương tiện truyền thông cơ sở; qua hệ thống Hội nông dân các cấp; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân chuyển đổi số trong quá trình tổ chức sản xuất nông nghiệp và tham gia vào phát triển kinh tế số, xã hội số.

2.2. Y tế

Tập trung triển khai các nền tảng: Chăm sóc sức khỏe và tư vấn khám chữa bệnh từ xa; Hồ sơ sức khỏe điện tử; triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng hồ sơ bệnh án giấy, thanh toán phí không dùng tiền mặt; triển khai Nền tảng quản lý đơn thuốc điện tử quốc gia tại tất cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và tư nhân trên địa bàn xã; triển khai các nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số.

2.3. Giáo dục và Đào tạo

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Triển khai Nền tảng số dạy, học trực tuyến, kết nối, phục vụ trực tuyến toàn trình cho công tác giảng dạy - học tập - thi cử cho học sinh từ đó, hình thành hệ sinh thái phát triển giáo dục số.

- Triển khai xây dựng kho CSDL tài liệu điện tử ngành giáo dục.

2.4. Lao động, việc làm và an sinh xã hội

- Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội; tiếp tục triển khai nền tảng an sinh xã hội điện tử; Nền tảng dữ liệu số về lao động; CSDL người có công,...

2.5. Thương mại, công nghiệp và năng lượng

- Triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030”.

- Quản lý, giám sát tình hình thị trường hàng hóa; chống gian lận thương mại, hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong các giao dịch thương mại điện tử trực tuyến; xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững.

- Triển khai Chương trình thúc đẩy thương mại điện tử tại các vùng nông thôn có tiềm năng phát triển (hạ tầng logistics thuận lợi, có nhiều nông sản, sản phẩm thủ công, mỹ nghệ độc đáo,...); tăng cường liên kết thương mại điện tử giữa các vùng miền.

- Hỗ trợ người dân đưa sản phẩm dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử.

- Triển khai Nền tảng thương mại điện tử thông qua chuỗi giá trị, kết nối các nhà sản xuất lớn, các nhà phân phối vừa và nhỏ, các nhà bán buôn và các kênh thương mại bán lẻ, các công ty thương mại điện tử cùng cấu thành nên chuỗi cung ứng.

2.6. Văn hóa, thể thao và du lịch

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. Ứng dụng chuyển đổi số trong du lịch, thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ hoạch định chính sách, lập kế hoạch kinh doanh, tối ưu hóa, cải thiện chất lượng dịch vụ và đưa ra các gói ưu đãi cho khách du lịch. Cập nhật thường xuyên thông tin, dữ liệu số về khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch.

- Triển khai Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch quốc gia nhằm phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp du lịch, kết nối doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch trong nước với các nhà phân phối, đại lý du lịch trực tuyến và các sàn giao dịch du lịch trực tuyến lớn, hỗ trợ doanh nghiệp du lịch kết nối, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh du lịch, tạo ra các gói du lịch hấp dẫn cho từng phân khúc khách du lịch.

2.7. Địa chính – nông nghiệp – xây dựng & môi trường

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, sử dụng năng lượng tái tạo và carbon thấp, thân thiện với môi trường.

- Triển khai hạ tầng số, nền tảng dữ liệu số ngành tài nguyên và môi trường, ưu tiên xây dựng nền tảng dữ liệu đất đai, bản đồ số bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu, thông tin, hình thành các dịch vụ, mô hình kinh doanh mới, khai thác hiệu quả hệ sinh thái số về tài nguyên và môi trường, đóng góp các nền tảng số cho phát triển kinh tế số, xã hội số.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công chức Văn phòng – thống kê

- Chủ trì tham mưu cho UBND xã thực hiện Kế hoạch, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, không trùng lặp; tham mưu UBND xã quyết định các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Hướng dẫn cán bộ, công chức thực hiện kế hoạch Phát triển kinh tế số và xã hội số và chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

- Chủ trì triển khai các nội dung, nền tảng dùng chung, tạo lập môi trường chuyển đổi số cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND huyện và Phòng Văn hoá và Thông tin theo quy định.

2. Cơ quan, tổ chức trên địa bàn xã, cán bộ, công chức xã.

- Chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Kế hoạch trong phạm vi quản lý; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, xác định rõ nội dung công việc, biện pháp thực hiện, phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân; tăng cường đôn đốc, kiểm tra; gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ (được ban hành tại Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 05/8/2021 của UBND xã về thực hiện Chương trình chuyển đổi số xã Kim Phượng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và các nhiệm vụ thực hiện công tác chuyển đổi số hàng năm) bảo đảm đúng theo quy định hiện hành.

- Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ được phân công và quy định của pháp luật hiện hành xác định những nội dung cần xây dựng đề án, dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số và dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chủ động sử dụng các nguồn kinh phí theo phân cấp ngân sách để triển khai thực hiện.

4. Công chức Tài chính - kế toán

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyên gia công nghệ.

- Tham mưu cho UBND xã xem xét, quyết định cân đối phân bổ nguồn lực để thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ.

- Hằng năm, trên cơ sở dự toán trình cấp có thẩm quyền xem xét bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên để triển khai thực hiện Kế hoạch này.

6. Công chức Văn hóa – xã hội

- Tăng cường công tác tuyên truyền triển khai thực hiện Kế hoạch, xây dựng nội dung tuyên truyền thiết thực về ý nghĩa, tầm quan trọng, các mô hình tốt, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Thông tin tuyên truyền bằng nhiều hình thức, đặc biệt trên môi trường số về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến Phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn xã để mọi cán bộ, công chức, viên chức và người dân nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận tự giác tham gia.

Trên đây là Kế hoạch Phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn xã đến 2025, định hướng đến năm 2030. Yêu cầu cán bộ, công chức xã, các tập thể, cá nhân chỉ đạo triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp, hiệu quả.

Nơi nhận:

- Phòng Văn hoá và Thông tin;
- TT ĐU, UBND xã;
- Cán bộ, công chức xã;
- Trưởng xóm;
- Lưu: Vp.

CHỦ TỊCH

Trương Anh Tú